

Số: /2017/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày tháng năm 2017

Dự Thảo

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Quy định chuẩn hộ nghèo tỉnh**  
**và chính sách hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận đa chiều**  
**tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về*  
*những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo*  
*an sinh xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về*  
*định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ*  
*tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai*  
*đoạn 2016 – 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội*  
*đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành chuẩn hộ nghèo tỉnh và chính sách hỗ*  
*trợ hộ nghèo tiếp cận đa chiều tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 - 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình*  
*số . . . . /TTr-SLĐTBXH ngày .... tháng .... năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Hộ nghèo và người thuộc hộ nghèo theo chuẩn Trung ương; hộ cận nghèo và người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương; người thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.** Chuẩn hộ nghèo của tỉnh là hộ có mức sống trung bình quy định tại Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020, cụ thể như sau:

1. Khu vực nông thôn: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

2. Khu vực thành thị: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.300.000 đồng đến 1.950.000 đồng.

**Điều 3.** Một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận đa chiều tỉnh Tây Ninh

1. Hỗ trợ tiền điện

a) Hỗ trợ thêm 11.000 đồng/hộ/tháng đối với hộ nghèo theo chuẩn Trung ương;

b) Hỗ trợ 30.000 đồng/hộ/tháng đối với hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương.

2. Hỗ trợ bảo hiểm y tế

a) Hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo theo chuẩn Trung ương thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác (không bị thiếu hụt bảo hiểm y tế);

b) Hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương;

c) Hỗ trợ thêm 70% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Tỉnh làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp;

d) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Tỉnh không thuộc điểm c Khoản 2 Điều này.

### **3. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo**

a) Hỗ trợ thêm 50% học phí cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương;

b) Hỗ trợ chi phí học tập với mức 100.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học.

### **4. Trợ giúp pháp lý**

Người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương, người thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Tỉnh được trợ giúp pháp lý miễn phí.

**Điều 4.** Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận đa chiều tỉnh Tây Ninh được ngân sách tỉnh cấp, trên cơ sở rà soát hộ nghèo hàng năm.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2017.

**Điều 6.** Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.TU+TT.HĐND tỉnh;
- CT+Các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 6;
- Lưu: VTVP.UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**